



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

IV#: _____

LOI#: _____

I-171#: _____ Y _____ NO _____

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM BUI VAN SANH
Last Middle First

Current Address: _____ Hochiminh City

Date of Birth: 1945 Place of Birth: Gong Nai

Previous Occupation (before 1975) Sergeant
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 12-10-1984 To 02-02-1988
Years: 03 Months: 02 Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
TRUNG THI TUYET MINH	1944	wife
BUI TRUNG THIENH SANG	1971	son
BUI TRUNG TUYET MAI	1973	son
BUI TRUNG TUYET MAI	1975	son

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
THẺ CĂN-CƯỚC

Số 0000000000

Họ Tên BUI-VĂN-SANH

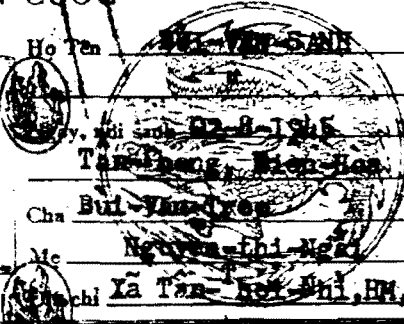
Ngày, giờ sinh 02-8-1945

Tân-Pang, Biên-Hoa

Cha BUI-VĂN-TRỌN

Mẹ NGUYỄN-THỊ-NGỌC

Nơi ở Xã Tân-Rất-Thị, H.M. GR.



VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
THẺ CĂN-CƯỚC

Số 0000000000

Họ Tên BUI-VĂN-SANH

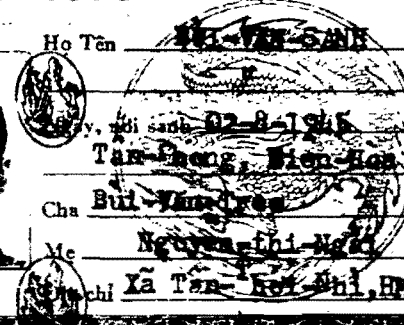
Ngày, giờ sinh 02-8-1945

Tân-Pang, Biên-Hoa

Cha BUI-VĂN-TRỌN

Mẹ NGUYỄN-THỊ-NGỌC

Nơi ở Xã Tân-Rất-Thị, H.M. GR.



Dấu vết riêng:		Cao 1 th 65 nvt	
-Tàn nhang cách 4 sau cánh trái mũi,		Nặng: 55 Kg	
Chữ ký đương sự: <i>Tran</i>		Ngón trỏ mắt	
Hóc-Môn, ngày 13-04-1971		Ngón trỏ trái	
XITV.TRUONGTY CSQG GIAEINH			
<i>Tran</i>			
TRAN-VAN-CONG			

Dấu vết riêng:		Cao 1 th 65 nvt	
-Tàn nhang cách 4 sau cánh trái mũi,		Nặng: 55 Kg	
Chữ ký đương sự: <i>Tran</i>		Ngón trỏ mắt	
Hóc-Môn, ngày 13-04-1971		Ngón trỏ trái	
XITV.TRUONGTY CSQG GIAEINH			
<i>Tran</i>			
TRAN-VAN-CONG			



BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTQ, ban hành theo công văn số 2365 ngày 27 tháng 11 năm 1972

Trại

Tân Hiệp
Số: 78/HS

SIÊU

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 3-5-1961 của Bộ Nội vụ:

Thị hành án văn:

[] tháng 02 năm 1988

của GIỚI SỨC CÔNG AN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh HUỖ VĂN SƠN Sinh năm 1945

Các tên gọi khác

Nơi sinh Đồng Nai

Nơi định kỳ nhận khẩu thường trú trước khi bị bắt

11/2 Lê Lợi - Thị trấn Bốc Môn

Can tội Phạt cảnh mao

Bị bắt ngày 10/12/1984 Án phạt 3 năm TGT

Theo quyết định, án văn số 726 ngày 22 tháng 05 năm 1986 của

UBND Thành phố

Đã bị công án [] lần, cộng thành [] năm [] tháng []

Đã được giảm án [] lần, cộng thành [] năm [] tháng []

Nay về cư trú tại 11/2 Lê Lợi - Thị trấn Bốc Môn

Nhận xét quá trình cải tạo

2

55

475

1/84

- Cải tạo không vi phạm tại nơi

CHÍNH AN

- Hoàn thiện tâm về cư trú

CHÍNH AN

CHÍNH AN

CHÍNH AN

CHÍNH AN

CHÍNH AN

Đường [] phải trình diện tại UBND Phường số:

Trước ngày [] tháng [] năm 19 []

Lấy tay nhận tờ phải

Họ tên, chữ ký người được cấp giấy

Ngày 2 tháng 2 năm 1988

Của ĐAI VĂN SƠN

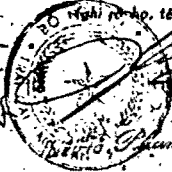
Trưởng trại

Danh bản số

Lập tại

Họ tên, chữ ký, tên, cấp bậc, chức vụ

BƯU VIÊN



xat nhap

Cu dai, giang giang la khai
Tai co ghi kho

Tai kho ngay 01.1.88

phu la

Xac nhan cu ky va chieu va
cho tra
la dung

Huoc

Nhau

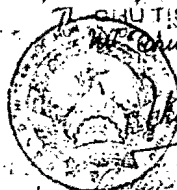
Phu la, 6.11.88, 2.11.88

TAI UEN

CHU TICH

Nhau

2/5 van chung



Phu la, 6.11.88, 2.11.88



BỘ NỘI VỤ

VIỆT NAM

Mẫu số 001-QLTQ, ban hành theo công văn số 2565 ngày 27 tháng 11 năm 1972

Trại Tập huấn
Số 78 /HS

thực tập - tu dưỡng - huấn luyện

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Số 10150

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số

Thị hành án văn, quyết định của số 04/QĐ-PT ngày 01 tháng 02 năm 1988,

của GIÁM ĐỐC CÔNG AN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh BUI VAN ANH Sinh năm 1945

Các tên gọi khác

Nơi sinh Sông Hới

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt

11/2 & 16 Lợi - Thị trấn Hố Môn

Cán bộ Phạm Cảnh Mông

Bị bắt ngày 10/12/1984 An phạt 3 năm TGT

Theo quyết định, án văn số 726 ngày 22 tháng 05 năm 1986 của

UBND Thành phố

Đã bị tống án lần, cộng thành năm tháng

Đã được giảm án lần, cộng thành năm tháng

Nay về cư trú tại 11/2 & 16 Lợi - Thị trấn Hố Môn

Nhận xét quá trình cải tạo

Cải tạo không vi phạm tại nơi

CHÍNH AN

Hết hạn tù và về quê

Ngày 29 tháng 11 năm 1988

CHÍNH AN

Đường sự phải trình địa tại UBND Phường xã:

Trước ngày tháng năm 19

Lưu tay người trả giấy

Của Bùi Văn Sinh

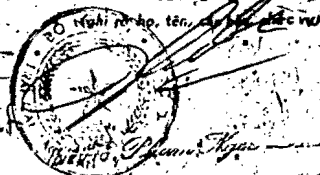
Danh tính số

Lưu tại

Họ tên và ký người giao cấp giấy

Ngày 2 tháng tháng 12 năm 88

Trưởng ban



Xét nhận

4/

Có địa điểm giảng dạy
tại cơ sở này

Đến thăm ngày 01/1/1968
phần 1

Xác nhận chủ tịch và chức vụ

cấp (tên) Huỳnh

là ông

Đến thăm ngày 01/1/1968

TM UBND

CHỦ TỊCH

Huỳnh

Nhà văn ở đây



Đến thăm ngày 01/1/1968



INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

HỒ SƠ BỒ TÚC

NAME (Ten Tu-nhan) : BUI VAN SANH
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)
DATE, PLACE OF BIRTH : 08 02 1915
Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)
SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): Nam Female (Nu): /
MARITAL STATUS Single (Doc than): / Married (Co lap gia dinh): Co
Tình trạng gia dinh):
ADDRESS IN VIETNAM :
Dia chi tai Viet-Nam): Hoc qua Thanh pho Ho Chi Minh
POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) Co No (Khong) /
If Yes (Neu co): From (Tu): 10/2/1984 To (Den): 01/2/1988
PLACE OF RE-EDUCATION: Tai Hiệp Đồng Hòa Sóng Bè
AMP (Trai tu)
OCCUPATION (Nghe nghiep): Trieu nay
EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): Khong
ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): Trung sĩ
GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu):
Date (nam):
APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): /
IV Number (So ho so): /
No (Khong): Khong
NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): 04
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi ti
MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN):
Tai hoi Hoc qua Thanh pho Ho Chi Minh
NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro):

U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (co): / No (Khong): Khong

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): Khong

NAME & SIGNATURE: BUI VAN SANH

ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
(Ten, Chu Ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay)

DATE: 09 11 1989
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)



seul

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA
Tai Long Thi Tuyet Minh	1944	Wife
Bui Tai Long Thanh Sang	1971	son
Bui Tai Long Tuyet Mai	1973	son
Bui Tai Long Tuyet Van	1975	son

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

ADDITIONAL INFORMATION :

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

HỒ SƠ BỒ TÚC

AME (Ten Tu-nhan) : BUI VĂN SANH
Last (Ten Họ) Middle (Giữa) First (Ten gọi)
ATE, PLACE OF BIRTH : 09 02 1945
Nam, nơi sinh) Month (Thang) Day (Ngày) Year (Năm)

EX 'Nam hay Nu) : Male (Nam): Nam , Female (Nu): ✓

MARITAL STATUS Single (Độc thân): ✓ Married (Có lập gia đình): Có
Tình trạng gia đình):

ADDRESS IN VIETNAM :
Địa chỉ tại Việt-Nam) Học việc, Thành phố Hồ Chí Minh

POLITICAL PRISONER (Có là tù nhân tại VN hay không): Yes (Có) Có No (Không) ✓
If Yes (Nếu có): From (Từ): 10/2/1984 To (Đến): 01/2/1989

PLACE OF RE-EDUCATION: Tấn Hiệp Đồng Hòa Sông Lô
AMP (Trại tù)

PROFESSION (Nghề nghiệp): Thợ may

EDUCATION IN U.S. (Đã học tại Mỹ): Không
IN ARMY (Quân đội VN) Rank (Cấp bậc): Trung Sĩ
IN GOVERNMENT (Trong chính phủ VN) Position (Chức vụ):
Date (năm):

APPLICATION FOR O.D.P. (Đã có nộp đơn cho ODP): Yes (Có): ✓ No (Không): Không
IV Number (Số hồ sơ): ✓

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (Số người đi theo): 04
(Tên thân nhân tháp tùng) Xin ghi bên sau với đầy đủ chỉ thị

MAILING ADDRESS IN VN (Địa chỉ liên lạc tại VN):
Thị trấn Học việc Thành phố Hồ Chí Minh

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Tên và Địa chỉ Thân nhân hay Người Bảo trợ):

U.S. CITIZEN (Quốc tịch Hoa-Kỳ): Yes (có): ✓ No (Không): Không

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Liên hệ với tù nhân tại VN): Không

NAME & SIGNATURE: BUI VĂN SANH
ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
(Tên, Chữ ký, Địa chỉ và Điện thoại của người diện đơn này)

DATE: 09 11 1989
Month (Thang) Day (Ngày) Year (Năm)



TP. HCM

seul

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA
Tai Long Thi Tuyet Minh	1966	Wife
Bui Tai Long Thanh Sang	1971	SON
Bui Tai Long Tuyet Mai	1973	SON
Bui Tai Long Tuyet Van	1975	SON

DEPENDENT'S ADDRESS (if different from above)

ADDITIONAL INFORMATION :

THÀNH PHỐ HỒ-CHÍ-MINH

ỦY BAN NHÂN DÂN

Quận Hồ Chí Minh

Xã Tân Thới Nhì

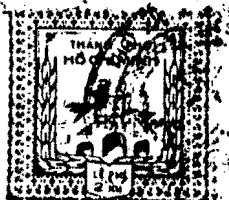
BẢN-SAO KHAI-SANH

Số hiệu : 1440

Năm : 1971

Lập ngày 18 tháng 10 năm 1971

Họ tên	Bùi Trương Thanh Sang
Trai hay gái	Nam
Ngày, tháng, năm sinh	Mười sáu, tháng mười, một ngàn chín trăm bảy mươi một H01 01h20'
Nơi sinh	Tân Thới Nhì
Họ tên, quốc tịch cha	Bùi Văn Sang
Họ tên, quốc tịch mẹ	Trương Thị Tuyết Minh



SAO LỤC

Thành phố HỒ-CHÍ-MINH, ngày 04 tháng 11 năm 1971

ỦY VIÊN HỒ-TỊCH,

Trần Văn Tuấn

THÀNH PHỐ HỒ-CHÍ-MINH
ỦY BAN NHÂN DÂN
Quận Hồ Chí Minh
Xã Tân Thới Nhì

BẢN-SAO KHAI-SANH

Số hiệu : 1440
Năm : 1971

Lập ngày 18 tháng 10 năm 1971

Họ tên	Bùi Trương Thanh Sang
Trai hay gái	Nam
Ngày, tháng, năm sinh	Mười sáu, tháng mười, một ngàn chín trăm bảy mươi một Hôì 01h20'
Nơi sinh	Tân Thới Nhì
Họ tên, quốc tịch cha	Bùi Văn Sang
Họ tên, quốc tịch mẹ	Trương Thị Tuyết Minh



SAO LỤC
Thành phố HỒ-CHÍ-MINH, ngày 04 tháng 11 năm 1977
ỦY-VIÊN HỘ-TỊCH,

Trần Văn Tuấn

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH GIA-ĐÌNH

QUẬN ~~ĐỨC-MÔN~~

XÃ ~~TÂN-THOẠI~~

Số hiệu 09



TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Lập ngày 9 tháng 1 năm 197 3

Tên họ đứa trẻ . . .	<u>Bùi-Trương Tuyết Mai</u>
Con trai hay con gái .	<u>Nữ</u>
Ngày sanh	<u>Một tháng giêng II, một nghìn chín trăm</u> <u>bảy mươi ba, 1960</u>
Nơi sanh	<u>Tân-Thới-Anh</u>
Tên họ người cha .	<u>Bùi-Văn-Sanh</u>
Tên họ người mẹ .	<u>Trương-Thị-Tuyết-Minh</u>
Vợ chánh hay không có hôn thú.	<u>Vợ-chánh</u>
Tên họ người đứng khai .	<u>Bùi-Văn-Sanh</u>

MIỄN-THỊ-THUOC
Số CV 4385/Quỹ/HC/10
Ngày 03-02-1970

TRÍCH-LỤC Y BẢN CHÁNH

~~Tân-Thới-Anh~~ ngày 10 tháng 10 năm 197 3
Viên Hộ-Tịch
Vũ-Thoại
Kiểm Ủy-Viên Hộ-Tịch

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH GIA-ĐÌNH

QUẬN ~~HỒ CHÍ MINH~~

XÃ ~~TÂN THOẠI~~

Số hiệu 00



TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

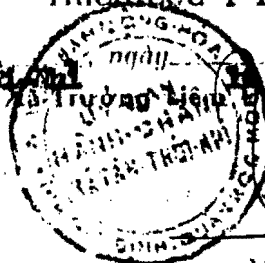
Lập ngày 5 tháng 1 năm 197 3

Tên họ đứa trẻ . . .	Bùi-Trung Tuyết Mai
Con trai hay con gái .	Nữ
Ngày sanh	Một tháng giêng III, một ngàn chín trăm bảy mươi ba, 1960
Nơi sanh	Tân-Thoại
Tên họ người cha . . .	Bùi-Văn-Sinh
Tên họ người mẹ . . .	Trương-Trị-Tuyết-Minh
Vợ chánh hay không có hôn thú.	Vợ-chính
Tên họ người đứng khai .	Bùi-Văn-Sinh

MIỄN THỊ THỰC
T.C.V. SỐ 4365/HV/HC/20
Ngày 03-02-1970

TRÍCH-LỤC Y BẢN CHÍNH

~~Tân-Thoại~~ ngày 10 tháng 1 năm 197 3
Viên Hộ-Tịch



VŨ-THOẠI
Viên Hộ-Tịch

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH HAY THỊ XÃ

GIÁ-DÌNH

QUẬN Đống-Đen

XÃ Đống-Đen

Số hiệu 169



TRÍCH LỤC BỘ KHAI SANH

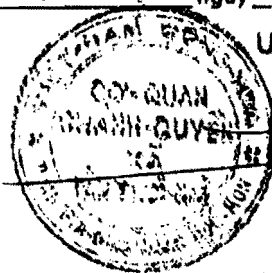
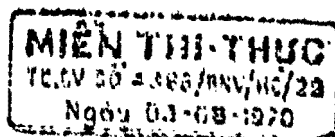
Lập ngày 18 tháng 02 năm 197 5

Tên họ đứa trẻ	<u>Bùi-Trương Tuyết Vân</u>
Con trai hay con gái	<u>Nữ</u>
Ngày sinh	<u>Khuyết bản tháng 12 năm 1970, một ngày chẵn tròn</u> <u>bảy mươi lăm, 24/30</u>
Nơi sinh	<u>Đống-Đen</u>
Tên họ người cha	<u>Bùi-văn-Sanh</u>
Tên họ người mẹ	<u>Trương-thị-Tuyết Minh</u>
Vợ chánh hay hông có hôn thú	<u>Vợ chánh HT, số HT, Xã <u>Đống-Đen</u>, tỉnh <u>Đống</u></u> <u>Hôn, ngày- 11-08-1970-</u>
Tên họ người khai	<u>Bùi-văn-Sanh</u>

TRÍCH LỤC Y BẢN CHÍNH

Đống-Đen ngày 19 tháng 02 năm 197 5

ỦY VIÊN HỘ TỊCH



LÂM-KIỆM-THÂN
ỦY-VIÊN HỘ-TỊCH

VIỆT-NAM CÔNG-HÒA

TỈNH HAY THỊ XÃ

GIÁ-ĐÌNH

QUẬN LỘC-NHŨ

XÃ LÂN-THỎI-THỊ

Số hiệu 169

TRÍCH LỤC BỘ KHAI SANH

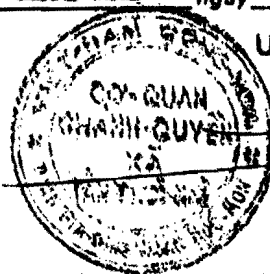
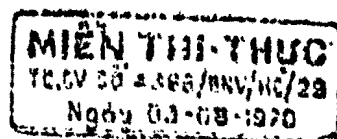
Lập ngày 18 tháng 02 năm 1975

Tên họ đứa trẻ	Bùi-Trương Tuyết Vân
Con trai hay con gái	Nữ
Ngày sanh	Ngày bốn tháng hai D.L., một nghìn chín trăm bảy mươi lăm, 25/30
Nơi sanh	Lân-Thối-Thị
Tên họ người cho	Bùi-văn-Sanh
Tên họ người mẹ	Trương-thị-Tuyết Minh
Vợ chánh hay hông có hôn thú	Vợ chánh HT, số 22, Xã Tân-Phong, tỉnh Biên Hòa, ngày 11-08-1970
Tên họ người khai	Bùi-văn-Sanh



TRÍCH LỤC Y BẢN CHÍNH
Lân-Thối-Thị ngày 19 tháng 02 năm 1975

ỦY VIÊN HỘ TỊCH



LÂM-KIỆM-HOÀN
Ủy-Viên Hộ-Tịch

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH HAY THỊ XÃ

~~GIÁ-ĐÌNH~~

QUẬN ~~ĐỨC-ĐÌNH~~

XÃ ~~TÂN-THOÁT-THÁI~~

Số hiệu ~~169~~



TRÍCH LỤC BỘ KHAI SANH

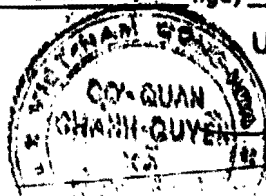
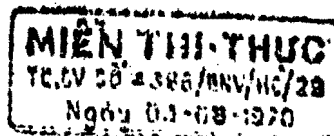
Lập ngày 10 tháng 02 năm 197 5

Tên họ đứa trẻ	Bùi-Trương Tuyết Vân
Con trai hay con gái	Nữ
Ngày sinh	Muối bốn tháng hai D.L, một ngàn chín trăm bảy mươi lăm, 25/3/1970
Nơi sinh	Tân-Thoát-Thái
Tên họ người cha	Bùi-văn-Sanh
Tên họ người mẹ	Trương-thị-Tuyết Minh
Vợ chánh hay hông có hôn thú	Vợ chánh HT, số 22, Xã Tân-Phong, tỉnh Bắc Ninh, ngày 11-08-1970.
Tên họ người khai	Bùi-văn-Sanh

TRÍCH LỤC Y BẢN CHÍNH

~~Tân-Thoát-Thái~~ ngày 10 tháng 02 năm 197 5

ỦY VIÊN HỘ TỊCH



VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
République du Viêt-Nam
TỐI-CAO PHÁP-VIỆT
(Cour Suprême)

PHÒNG LỤC-SỰ TÒA SƠ-1 HẦM SAIGON
(GREFFE DU TRIBUNAL DE 1^{ère} INSTANCE DE SAIGON)

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH
(Extrait du registre des actes de naissance)

TÊN THỜI NHI

GIA ĐÌNH

(NAM-PHÂN)
(Sud Viêt-Nam)

NĂM 1944
(Année)

SỐ HIỆU 232
(Acte No)



Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	TRƯƠNG THỊ TUYẾT MINH
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	Féminin
Sinh ngày nào (Date de naissance)	18-6-1944
Sinh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	Maternité Privée Hóc Môn
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	TRƯƠNG VĂN CHẠO
Cha làm nghề gì (Sa profession)	Commerçant
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Tân Thới Nhì
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	NGUYỄN THỊ KIEM
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	Commerçant
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Tân Thới Nhì
Vợ chính hay thứ (Son rang de femme mariée)	Femme légitime du 1 ^{er} rang

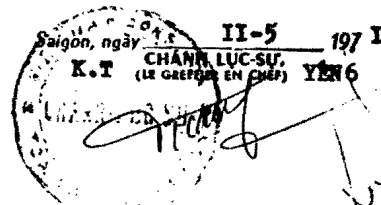
Chúng tôi
Nous
được Chánh-án Tòa Saigon u.n.
Président du tribunal
chứng cho hợp-phép chữ ký của
Certifions l'authenticité de la signature de

ông
NGUYỄN THỊ THỰC
Greffier en chef du tribunal

Thị trấn Saigon ngày 20-7-1944 197

Ngày 20-7-1944
(le 20-7-1944)
THẨM-PHÁN,

Trích y bản chính,
(Pour extrait conforme),



TRAN THI CANH

Giá tiền 15
(Coût)

Biên-lai số 3320
(Quittance No)



BẢN TRÍCH LƯỢC BỘ KHAI-SANH
(Extrait du registre des actes de naissance)

TÂN THỚI NHÌ

GIA ĐÌNH

(NAM-PHÂN)
(Sud Viet-Nam)

NĂM 1944
(Année)

SỐ HỮU 232
(Acte No)

Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	TRƯƠNG THỊ TUYẾT MINH
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	Féminin
Sinh ngày nào (Date de naissance)	1e 18-6-1944
Sinh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	Maternité Privée Hốc môn
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	TRƯƠNG VĂN CHẢO
Cha làm nghề gì (Sa profession)	Commerçant
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Tân Thới Nhì
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	NGUYỄN THỊ KIẾN
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	Commerçant
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Tân Thới Nhì
Vợ chính hay thứ (Son rang de femme mariée)	Femme légitime du 1er rang

Chúng tôi

Nous

được Chánh-án Tòa Sơ-thẩm tại

Président du Tribunal

chứng cho hợp-pháp chữ ký của

Certifions l'authenticité de la signature de

ông

NGUYỄN THỊ THỨC

Chánh-luật sư Tòa Sơ-thẩm tại

Greffier en chef du dit Tribunal

Saigon, ngày 11-5-1971

T. N. CHANH-AN
(LE PRÉSIDENT)

THẨM-PHÁN,

Trích y bản chính,

(Pour extrait conforme),

Saigon, ngày 11-5-1971
K. T. CHANH LUC-SU,
(LE GREFFIER EN CHEF) YÊN 6

TRAN THI CANH

Giá tiền: 15

(Coût)

Biên-lai số 3320

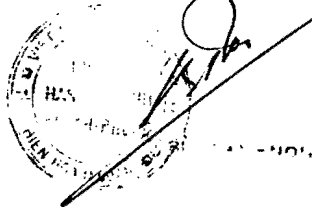
(Quittance No)

KHAI SANH



Ấu nhi: (Họ tên)	Ngày 21 tháng 7 năm 1961
Phối:	Số: 1945
Sinh: (Ngày tháng năm)	Ấn Thố-vi khai-sanh cho Bui văn-Lâm, Bui văn-Sanh
Tại:	Toà H.G.R.Q. Biên-Hoà xử về việc Hộ trong phiên nhậm công khai ngày 21 tháng 7 năm 1961 gồm có các ông:
Của: (Họ tên)	- Chánh-án: Diệp Quan-Hồng, - Biện-lý:
Tuổi:	- Lục-sự: Trương công-Xá. đã lên án như sau:
Nghề-nghiệp:	Bản án Toà-án:
Cư-trú tại:	Chiếu theo đơn xin của Bui văn-Treo xin
Mẹ: (Họ tên)	Ấn Thố-vi khai sanh cho con y.
Tuổi:	Bồi các lẽ ấy:
Nghề-nghiệp	Chứng-nhận: Bui văn-Treo nhìn Bui văn-Lâm Bui văn-Sanh là con tư-sinh.
Cư-trú tại:	Nghề-nghiệp phân rằng: Bui văn-Lâm sanh ngày 4-3-1939, Bui văn-Sanh sanh ngày 2-8-1945
Vợ (chánh hay thối):	Cư-trú tại: tại làng Tân-phong (Biên-Hoà) là con của Bui-văn-Treo và Nguyễn thị-Nghị (chết).
Người khai: (Họ tên)	Phán rằng: Ấn này Thố-vi khai-sanh cho Bui-văn-Lâm, Bui văn-Sanh.
Tuổi:	Đay ghi đoạn phán-quyết án này vào sổ
Nghề-nghiệp:	khai-sanh đương-niên làng Tân-phong (Biên-Hoà) và lục-biên ấn này vào lễ tờ khai-sanh gặp nhứt ngày 4-3-1939, 2-8-1945 giữ lại lưu-trữ công, văn làng nói trên và phòng lục-sự Toà-án sơ tại.
Ngày khai:	Đay nguyên đơn chịu hết án phí.
Người chứng thứ nhất: (Họ tên)	Ấn này làm, xử và tuyên vào ngày, tháng, và năm đã kể trên.
Tuổi:	Ký tên: Diệp Quan-Hồng, Trương công-Xá.
Nghề-nghiệp:	Trước ba tại phòng ba Shi-gôn ngày 19-9-1961, quyển 77, tờ 26, số 237/39, thăm 240800
Cư-trú tại:	Trích y Bản chánh
Người chứng thứ nhì: (Họ tên)	Biên-Hoà ngày 21 tháng 8 năm 1962
Tuổi:	Chánh Lục-sự
Nghề-nghiệp:	
Cư-trú tại:	

TRÍCH Y BỘ *lành* năm 1962
 Ủy-Viên Hộ-Tịch
 Ủy-Viên Hộ-Tịch



Làm tại: ngày tháng năm
 Hộ lại: Nhân chứng,

Tân-phong, ngày 18-5-1963
 Sao y Bản chánh
 Đại-diện kiêm Hộ-tịch
 Ký tên
 Nguyễn văn-Chúng

KHAI SANH



Ấu nhi: (Họ tên)	Ngày 21 tháng 7 năm 1961
Phối:	Số: 1945
Sinh: (Ngày tháng năm)	Ấn Thế-vĩ khai-sanh cho Bùi Văn-Lâm, Bùi Văn-Sanh
Tại:	phần nhóm công khai ngày 21 tháng 7 năm 1961 gồm có các ông:
Của: (Họ tên)	- Chánh-án: Diệp Quan-Hồng, - Biện-lý:
Tuổi:	- Lục-sự: Trương công-Xả. đã lên án như sau:
Nghề-nghiep:	Bản án Toà-án:
Cư-trú tại:	Chiếu theo đơn xin của Bùi Văn-Treo xin Ấn Thế-vĩ khai-sanh cho con y.
Mẹ: (Họ tên)	Bởi các lẽ ấy:
Tuổi:	Chứng-nhận: Bùi Văn-Treo nhìn Bùi Văn-Lâm Bùi Văn-Sanh là con tư-sinh.
Nghề-nghiep:	phần rằng: Bùi Văn-Lâm sinh ngày 4-3-1939, Bùi Văn-Sanh sinh ngày 2-8-1945
Cư-trú tại:	tại làng Tân-phong (Biên-Hoà) là con của Bùi- Văn-Treo và Nguyễn thị- Ngai (chết).
Vợ (chánh hay phụ):	phần rằng: Ấn này Thế-vĩ khai-sanh cho Bùi- Văn-Lâm, Bùi Văn-Sanh.
Người khai: (Họ tên)	Tuổi:
Tuổi:	Dạy ghi đoạn phán-quyết án này vào sổ khai-sanh đương-niên làng Tân-phong (Biên-Hoà)
Nghề-nghiep:	và lược-biên án này vào lễ tờ khai-sanh gần nhất ngày 4-3-1939, 2-8-1945 giữ lại lưu-trữ
Cư-trú tại:	công, văn làng nói trên và phòng lục-sự Toà- án sơ tại.
Ngày khai:	Dạy nguyên đơn chịu hết án phí.
Người chứng thứ nhất: (Họ tên)	Ấn này làm, xử và tuyên vào ngày, tháng, và năm đã kể trên.
Tuổi:	Ký tên: Diệp Quan-Hồng, Trương công-Xả.
Nghề-nghiep:	Trước bạ tại phòng ba Sứ-gòn ngày 19- 9-1961, quyển 77, tờ 26, số 237/39, thanh 240300
Cư-trú tại:	Trích y Bản chánh
Người chứng thứ nhì: (Họ tên)	Biên-Hoà ngày 21 tháng 8 năm 1962
Tuổi:	Chánh Lục-sự
Nghề-nghiep:	
Cư-trú tại:	

TRÍCH Y BỘ *Leul* *5*
ỦY-VIÊN KỶ-TỊCH

Lần tại

Người khai

ngày tháng năm
Họ lại, Nhân chứng,

Tân-phong, ngày 18-5-1963

Sao y Bản chánh
Đại-diện kiêm Hộ-tịch
Ký tên
Nguyễn Văn-Chứng

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
TỈNH BIÊN-HÒA

QUẬN ĐỨC-TU
Xã: TÂN-PHONG

TRÍCH-LỤC

CHỨNG-THƯ HÔN-THÚ

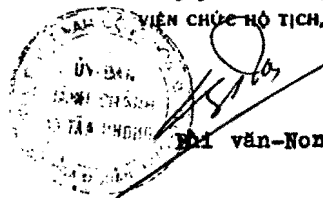
Số hiệu: 22



Tên, họ người chồng BÙI VĂN-SANH
nghề nghiệp Quân-nhân
sinh ngày 02 tháng 8 năm 1945
tại Tân-phong (Biên-Hòa)
cư-sở tại Tân-phong (Biên-Hòa)
tạm-trú tại Tân-phong
Tên, họ cha chồng Bùi văn-Treo (sống) 54 tuổi
(Sống chết phải ghi rõ)
Tên, họ mẹ chồng Nguyễn thị-Ngài (chết)
(Sống chết phải ghi rõ)
Tên, họ người vợ TRƯƠNG THỊ TUYẾT-MINH
nghề-nghiep Nội-trợ
sinh ngày 18 tháng 6 năm 1944
tại Tân Thới nhĩ (Gia-định)
cư-sở tại II/2. Ấp D. Thới, Tân Thới nhĩ (Gia-định)
tạm - trú tại /
Tên, họ cha vợ Trương văn-Chạo (sống) 47 tuổi
(Sống chết phải ghi rõ)
Tên, họ mẹ vợ Nguyễn thị-Kiến (sống) 45 tuổi
(Sống chết phải ghi rõ)
— Ngày cưới Mùng mười tháng tám dương-lịch
Năm một ngàn chín trăm bảy mươi .
— Vợ chồng khai có hay không lập hôn-kê /
ngày / tháng / năm /
tại /

TRÍCH Y BÀN CHÁNH :

Tân-phong , ngày 25 tháng II năm 1970



Bùi văn-Non

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
TỈNH HIÊN-HÒA

QUẬN: ĐỨC-TU

XÃ: TÂN-PHONG

TRÍCH-LỤC

CHỨNG-THƯ HÔN-THÚ

Số hiệu: 22



Tên, họ người chồng: BUI VĂN-SANH

nghề nghiệp: quân-nhân

sinh ngày 02 tháng 8 năm 1945

tại: Tân-phong (Biên-Hòa)

cư-sở tại: Tân-phong (Biên-Hòa)

tạm-trú tại: Tân-phong

Tên, họ cha chồng: Bui văn-Treo (sống) 54 tuổi

(Sống chết phải ghi rõ) Nguyễn thị-Ngài (chết)

Tên, họ mẹ chồng: (Sống chết phải ghi rõ)

Tên, họ người vợ: TRƯƠNG THỊ TUYẾT-MINH

nghề-nghiep: Nội-trợ

sinh ngày 18 tháng 6 năm 1944

tại: Tân Thới nhĩ (Gia-định)

cư-sở tại: II/2, Ấp D. Thắng, Tân Thới nhĩ (Gia-định)

tạm-trú tại: /

Tên, họ cha vợ: Trương văn-Chạo (sống) 47 tuổi

(Sống chết phải ghi rõ) Nguyễn thị-Kiến (sống) 45 tuổi

Tên họ mẹ vợ: (Sống chết phải ghi rõ)

— Ngày cưới: Mùng mười tháng tám dương-lịch

Năm một ngàn chín trăm bảy mươi .

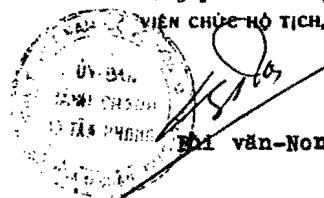
— Vợ chồng khai có hay không lập hôn-kê: /

ngày tháng năm

tại: /

TRÍCH Y BỐN CHÁNH:

Tân-phong, ngày 25 tháng II năm 1970.



Bui văn-Non



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

IV#: _____

VEWL.#: _____

I-171#: Y NO

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM BUI VAN SANH
Last Middle First

Current Address: 11/2/A LE LOI Kieu Phieu H. HOE MON HO CHU MINH

Date of Birth: 02-08-45 Place of Birth: Bien Hoa

Previous Occupation (before 1975) Trung Sĩ
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 12-10-1984 To 02-02-1988
Years: 03 Months: 02 Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
TRUONG - THI - TUYET - MINH		wife
BUI TRUONG THANH DANG		son
BUI TRUONG TUYET MAI		daughter
BUI TRUONG TUYET VAN		daughter

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

3/3
____ Card
____ Doc. Request; Form
____ Release Order
____ Computer
____ Form "D"
____ GGP/Date
____ Membership; Letter

of go: this -